TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN X** **TỈNH BÀ RỊA–VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2023/HS-ST
Ngày 14-6-2023.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN X, TỈNH BÀ RỊA–VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Bá Khuyến.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Ngô Thị Quốc Thanh.

2. Bà La Thị Thu Nga.

- Thư ký phiên tòa: Bà Danh Thị Ngọc Lệ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Bà Rịa–Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện X, tỉnh Bà Rịa–Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Ông Cù Hoàng Vũ – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Bà Rịa–Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 37/2023/TLST-HS, ngày 20 tháng 4 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 43/2023/QĐXXST-HS, ngày 31 tháng 5 năm 2023 đối với bị cáo:

Nguyễn Minh T (tên gọi khác: D), sinh ngày 29 tháng 4 năm 1996 tại tỉnh Bà Rịa–Vũng Tàu. Nơi cư trú: Ấp 0, xã H, huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa (học vấn): Không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Thành B, sinh năm 1965 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1968; vợ, con: Không; tiền án: Tại Bản án số 18/2016/HSST, ngày 01/4/2016 bị xử phạt 06 tháng tù. Tại Bản án số 28/2017/HSST, ngày 28/4/2017 bị xử phạt 12 tháng tù và tại Bản án số 09/2019/HS-ST, ngày 28/02/2019 bị xử phạt 04 năm tù (cùng về *"Tội trộm cắp tài sản"* và đều do Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử). Đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ về án phí của các bản án và chấp hành xong hình phạt tù lần cuối vào ngày 10/12/2021; tiền sự, nhân thân: Không; Bị tạm giam ngày 31/10/2022, theo Lệnh bắt bị can để tạm giam số 38/LB, ngày 31/10/2022 của Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện X. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện C, tỉnh Bà Rịa–Vũng Tàu (Có mặt).

- Bị hại:

+ Ông Võ Dũng N, sinh năm 1982. Nơi cư trú: Ấp 0, xã H, huyện X, tỉnh Bà Rịa–Vũng Tàu (Có mặt).

+ Ông Lê T1, sinh năm 1982. Nơi cư trú: Tổ 0, ấp T, xã S, huyện C, tỉnh Bà Rịa–Vũng Tàu (Vắng mặt).

+ Ông Trần Duy H, sinh năm 1995. Nơi cư trú: Ấp 0, xã H, huyện X, tỉnh Bà Rịa–Vũng Tàu (Có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

+ Ông Nguyễn Thành B, sinh năm 1965 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1968. Nơi cư trú: Ấp 0, xã H, huyện X, tỉnh Bà Rịa–Vũng Tàu (bà L có mặt, ông B vắng mặt).

+ Ông Trương P (tên gọi khác: T), sinh năm 1992. Nơi cư trú: Tổ 0, ấp 0, xã H, huyện X, tỉnh Bà Rịa–Vũng Tàu (Có mặt).

- Người tham gia tố tụng khác:

Người làm chứng: Chị Nguyễn Thị P1, sinh năm 1999. Nơi cư trú: Ấp 0, xã B, huyện X, tỉnh Bà Rịa–Vũng Tàu (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15 giờ 00 ngày 11/10/2022, ông Võ Dũng N điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, biển kiểm soát 72G1-536…, đi tìm nhổ nấm mối, khi đi đến lô Cao su 214 của Công ty Cổ phần Cao su H tại ấp 0, xã H, huyện X thì dừng xe và để xe mô tô ở ngoài lô Cao su rồi đi bộ vào trong để tìm nhổ nấm. Cùng thời gian này, Nguyễn Minh T điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 59VA-034… đi qua lô Cao su 214, T phát hiện xe mô tô biển kiểm soát 72G1-536… không có người trông giữ thì nảy sinh ý định trộm cắp tài sản nên T điều khiển xe mô tô của mình chạy đến phía sau xe mô tô của ông D thì dừng lại, xuống xe và lấy trong người ra một chiếc kéo bằng kim loại rồi mở khóa xe mô tô biển kiểm soát 72G1-536…. Sau khi mở được khóa xe, T điều khiển xe đi đến thị trấn N, huyện C, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu đưa xe cho anh Trần Thanh H1, sinh năm 2002 mượn sử dụng (anh H1 là chú của bạn gái T), khi cho anh H1 mượn xe, T không nói cho anh H1 biết về nguồn gốc chiếc xe này do đâu mà có nên anh H1 vẫn sử dụng bình thường.

Sau khi bị phát hiện và bắt giữ để điều tra, Nguyễn Minh T đã thừa nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản nêu trên. Ngoài ra, T còn khai nhận thêm đã thực hiện một vụ trộm cắp tài sản vào ngày 24/10/2022 tại ấp T, xã S, huyện C, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu và vụ lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản vào ngày 20/09/2022 tại ấp 0, xã H, huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, cụ thể như sau:

- Vụ thứ nhất: Khoảng 11 giờ ngày 24/10/2022, T đến khu vực đập sông R thuộc xã S, huyện C, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu để câu cá. Tại đây, T đi lang thang thì phát hiện một xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, biển kiểm soát 72F1-924… của ông Lê T1

đang để trong sân nhà, không có người trông giữ và có sẵn chìa khóa trong ổ khóa xe. Lúc này, T nảy sinh ý định trộm cắp nên đi vào trong sân, tiếp cận chiếc xe, nổ máy và điều khiển xe nhanh chóng rời đi. Sau đó, do thiếu tiền chi tiêu T đã bán chiếc xe này cho ông Trương P với giá 3.000.000 đồng nhưng ông P mới trả trước cho T được 2.300.000 đồng còn nợ lại 700.000 đồng. Khi mua xe ông P có hỏi T về nguồn gốc của chiếc xe và giấy tờ xe nhưng được T cho biết là xe của vợ T, giấy tờ xe đang bị Công an huyện L, tỉnh Đồng Nai tạm giữ và hứa với ông P khi nào trả đủ tiền thì T sẽ lấy giấy tờ xe về giao cho ông P, do tin tưởng nên ông P đồng ý mua.

- Vụ thứ hai: Khoảng 19 giờ ngày 20/09/2022, khi T đang ở nhà nghỉ "NY" thuộc ấp 0, xã H, huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu cùng với bạn gái tên Nguyễn Thị P1 thì T gọi điện thoại rủ ông Trần Duy H đến để cùng sử dụng ma túy nhưng ông H không đồng ý nên T nói với ông H đến để cho T mượn xe mô tô chở bạn gái về nhà và được ông H đồng ý. Khoảng 30 phút sau, ông H điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, biển kiểm soát 72G1-288… đến nhà nghỉ "NY" và giao xe mô tô cho T, T nhận xe sau đó chở chị P1 cùng con gái chị P1 về nhà tại xã B, huyện X. Sau khi chở chị P1 về nhà thì T nảy sinh ý định chiếm đoạt xe mô tô của ông H nên T không quay lại nhà nghỉ "NY" để trả xe cho ông H mà điều khiển xe mô tô của ông H đi đến thành phố Hồ Chí Minh bán cho một người thanh niên (không rõ nhân thân, lai lịch) với giá 4.000.000 đồng và đã sử dụng hết số tiền này.

Khi mất tài sản, các ông Võ Dũng N, ông Lê T1 và ông Trần Duy H đều có đơn gửi đến Công an xã H và xã H1, huyện X; Công an xã S, huyện C để trình báo và đề nghị giải quyết (Bl 151, 152; 157, 158; 170). Sau đó, cơ quan chức năng đã tiến hành lập biên bản kiểm tra, xác định nơi xảy ra vụ việc; vẽ sơ đồ nơi xảy ra vụ việc (Bl 62-67); ra quyết định truy tìm vật là 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, số loại Exciter, màu xanh-trắng, biển kiểm soát 72G1-288… (Bl 72) và ra quyết định tạm giữ tài sản, đồ vật, tài liệu gồm: 01 xe mô tô biển kiểm soát 59VA-034…, nhãn hiệu SYM, màu đen, số khung RLGSC05AHJH0027.., số máy VMSDGAH0027.. đã qua sử dụng (Bl 71) và 01 xe mô tô biển kiểm soát 72G1-536…, nhãn hiệu Yamaha, màu đen-xám, số khung RLCUE3210JY1691.., số máy E3X9E3986.. đã qua sử dụng (Bl 69).

Để thuận lợi cho quá trình giải quyết vụ án được nhanh chóng và chính xác nên ngày 14/12/2022 Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu có Quyết định số 01/QĐ-VKS về chuyển vụ án hình sự để điều tra theo thẩm quyền, đến ngày 15/12/2022, Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu ra Quyết định số 01/QĐ nhập vụ án hình sự để giải quyết theo thủ tục chung (Bl 02, 03).

Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng Hình sự của huyện C và huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu đã kết luận đối với từng tài sản cụ thể như sau:

- Kết luận định giá tài sản số 62/KL-HĐĐG, ngày 04 tháng 11 năm 2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện X, kết luận giá trị thiệt hại của tài sản được định giá là 11.354.000 đồng (Bl 47);

- Biên bản kết luận định giá tài sản số 91/BB-HĐĐGTS, ngày 18 tháng 11 năm 2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện C, phần kết quả định giá tài sản có hiện vật ghi: Tổng giá trị thiệt hại tài sản trộm cắp ngày 24/10/2022 là 20.652.521 đồng (Bl 50-52);

- Kết luận định giá tài sản số 70/KL-HĐĐG, ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện X, kết luận giá trị thiệt hại của tài sản được định giá là 12.982.500 đồng (Bl 42).

Tại bản Cáo trạng số 34/CT-VKS, ngày 18/4/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện X, tỉnh Bà Rịa–Vũng Tàu truy tố bị cáo Nguyễn Minh T (D) về "Tội trộm cắp tài sản" theo điểm g khoản 2 Điều 173 và "Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" theo điểm g khoản 2 Điều 175 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện X thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử tại phiên tòa hình sự giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Minh T (D) phạm "Tội trộm cắp tài sản" và "Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản".

- Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 55 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh T (D) từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù;

- Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 175; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 55 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh T (D) từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù;

Tổng hợp hình phạt cho cả hai tội danh trên, buộc bị cáo Nguyễn Minh T (D) phải chấp hành hình phạt chung từ 04 năm 06 tháng đến 05 năm 06 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam (ngày 31/10/2022).

Hình phạt bổ sung: Đề nghị miễn hình phạt bổ sung là hình phạt phạt tiền cho bị cáo do không có nghề nghiệp ổn định.

Trách nhiệm dân sự:

- Đối với bị hại là ông Võ Dũng N, ông Lê T1 và đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là ông Trương P (T), đã nhận lại tài sản, tiền bị chiếm đoạt và không có yêu cầu bồi thường gì thêm nên không xem xét, giải quyết.

- Đối với bị hại là ông Trần Duy H, ông H yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 12.982.500 đồng theo đúng kết quả định giá tài sản, bị cáo đồng ý bồi thường nên đề nghị ghi nhận sự tự nguyện này.

Biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng:

01 (một) xe mô tô, biển kiểm soát 72G1-536…, Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện X đã trả lại cho ông Võ Dũng N và 01 (một) xe mô tô, biển kiểm soát 72F1- 924…, Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện C đã trả lại cho ông Lê T1 là đúng quy định của pháp luật. Riêng xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Exciter, màu xanh trắng, biển kiểm soát 72G1-288…, Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện X đã ra thông báo truy tìm nhưng đến nay vẫn chưa thu hồi được và xe mô tô biển kiểm soát 59VA-034…, qua làm việc bị cáo T khai nhận đã trộm cắp ở huyện C nhưng không nhớ rõ địa điểm cụ thể nên Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện X đã có

Công văn số 100/ĐTHS, ngày 27/02/2023 đề nghị Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện C phối hợp xác minh, nhưng đến nay chưa có kết quả. Vì vậy, Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện X tiếp tục tạm giữ đối với xe mô tô biển số 59VA-034… để điều tra, xác minh làm rõ và xử lý sau. Do một số vật chứng đã xử lý xong, vật chứng không thu giữ được và vật chứng đang được bảo quản tại Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện X nên đề nghị không xem xét, giải quyết gì thêm.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận sau khi sự việc xảy ra, bị cáo đã nhận thức được hành vi đã thực hiện là vi phạm pháp luật và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình cũng như tự nguyện khai báo hành vi phạm tội trước đó đúng như Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố. Bị cáo thật sự ăn năn hối cải về hành vi phạm tội và không bào chữa, tranh luận.

Bị hại là ông Lê T1 vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã nhận lại tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của mình nên không có yêu cầu bồi thường gì thêm; bị hại là ông Võ Dũng N có mặt tại phiên tòa nhưng đã nhận lại tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của mình nên không có yêu cầu bồi thường gì thêm nhưng đề nghị Hội đồng xét xử xử lý nghiêm khắc đối với hành vi của bị cáo; bị hại là ông Trần Duy H có mặt tại phiên tòa và vẫn giữ nguyên yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 12.982.500 đồng, ngoài ra không có yêu cầu gì khác; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là bà L có mặt tại phiên tòa, không có yêu cầu gì đối với số tiền mà mình đã bỏ ra bồi thường, khắc phục hậu quả thay cho bị cáo nhưng xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là ông B và người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa, không có ý kiến trình bày bổ sung gì thêm.

Khi nói lời sau cùng, bị cáo gửi lời xin lỗi đến bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và xin Hội đồng xét xử, xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt để bị cáo sớm có cơ hội tái hòa nhập cộng đồng, trở thành người có ích cho xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi phạm tội: Khoảng 15 giờ 00 ngày 11/10/2022, ông Võ Dũng N điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 72G1-536… đi tìm nhổ nấm mối, khi đi đến lô Cao su 214 của Công ty Cổ phần Cao su H, huyện X thì dừng xe và để xe ở ngoài lô Cao su rồi đi bộ vào trong để tìm nhổ nấm. Cùng thời gian này, Nguyễn Minh T điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 59VA-034… đi qua thì phát hiện xe của ông N không có người trông giữ nên nảy sinh ý định trộm cắp. Sau khi tiếp cận và mở được khóa xe, T điều khiển xe đi đến thị trấn N, huyện C, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu và đưa xe cho anh Trần Thanh H1 sử dụng (anh H1 là chú của bạn gái T), khi cho anh H1 mượn xe, T không nói cho anh H1 biết về nguồn gốc chiếc xe này do đâu mà có nên anh H1 vẫn sử dụng bình thường. Đến khi bị phát hiện và bắt giữ để điều tra, Nguyễn Minh T mới thừa nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản nêu trên, giá trị thiệt hại tài sản được định giá là

11.354.000 đồng. Ngoài ra, T còn khai nhận thêm đã thực hiện một vụ trộm cắp tài sản vào ngày 24/10/2022 tại ấp T, xã S, huyện C, tài sản là một xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, biển kiểm soát 72F1-924… của ông Lê T1, giá trị thiệt hại tài sản được định giá là 20.652.521 đồng và vụ lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản vào ngày 20/09/2022 tại ấp 3, xã H, huyện X, tài sản là một xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, biển kiểm soát 72G1-288… của ông Trần Duy H, giá trị thiệt hại tài sản được định giá là 12.982.500 đồng.

Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan Cảnh sát Điều tra; phù hợp với lời khai của bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và người làm chứng; phù hợp với biên bản kiểm tra, xác định nơi xảy ra vụ việc; với sơ đồ nơi xảy ra vụ việc; với kết luận định giá tài sản; với vật chứng thu giữ được và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Tài sản bị chiếm đoạt được xác định là: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius, màu đen-xám, biển kiểm soát 72G1-536…, có giá 11.354.000 đồng; 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius, màu đen-bạc, biển kiểm soát 72F1-924…, có giá 20.652.521 đồng; 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Exciter, màu xanh-trắng, biển kiểm soát 72G1-288…, có giá 12.982.500 đồng. Tổng giá trị thiệt hại là 44.989.021 đồng (bốn mươi bốn triệu chín trăm tám mươi chín nghìn không trăm hai mươi mốt đồng).

Động cơ, mục đích phạm tội của bị cáo: Bị cáo đã thành niên, có sức khỏe và đủ nhận thức để hiểu được những điều cấm của pháp luật đối với mọi hành vi phạm tội về xâm phạm sở hữu nhưng do tham lam, lười lao động, bị cáo đã bất chấp tất cả quy định của pháp luật, lợi dụng sự mất cảnh giác và lòng tin của bị hại, cố ý chiếm đoạt tài sản bằng cách lén lút thực hiện hành vi và dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản đối với chủ sở hữu để bán lấy tiền, sử dụng vào mục đích cá nhân.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản hợp pháp của người khác, đây là khách thể được pháp luật hình sự bảo vệ, tạo dư luận xấu đến an ninh, trật tự tại địa phương. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết rõ hành vi của mình là phạm tội nhưng vẫn cố ý thực hiện đến cùng. Hành vi của bị cáo đã đủ các yếu tố cấu thành "Tội trộm cắp tài sản" được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 và "Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 175 của Bộ luật Hình sự. Như vậy, Cáo trạng của Viện kiểm nhân dân huyện X truy tố bị cáo và việc luận tội của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Tuy nhiên, quá trình lượng hình có xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

[2] Các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự:

- Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; tự nguyện khai báo hành vi phạm tội trước đó; tự nguyện tác động và nhờ cha, mẹ ruột của mình bồi thường xong số tiền cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Cho nên, bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Căn cứ quy định của Bộ luật Hình sự, cân nhắc các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo. Hội đồng xét xử nhận thấy: Bị cáo được xác định là người có tiền án tại các Bản án số 18/2016/HSST, ngày 01/4/2016; Bản án số 28/2017/HSST, ngày 28/4/2017 và Bản án số 09/2019/HS-ST, ngày 28/02/2019 của Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Mặc dù, bị cáo đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ về án phí của các bản án nêu trên và chấp hành xong hình phạt tù lần cuối vào ngày 10/12/2021, chưa được xóa án tích nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học kinh nghiệm cho bản thân để tu dưỡng, rèn luyện, phấn đấu trở thành người công dân tốt mà do lười lao động, tham lam, gian dối nên cố ý thực hiện hành vi phạm tội mới thuộc cùng một loại tội xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản hợp pháp của người khác những điều đó cho thấy bị cáo là người có nhân thân xấu, khó giáo dục, cải tạo. Trong vụ án này, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự nhưng tổng giá trị thiệt hại mà bị cáo gây ra là 44.989.021 đồng (bốn mươi bốn triệu chín trăm tám mươi chín nghìn không trăm hai mươi mốt đồng) và hành vi của bị cáo đang có dấu hiệu "phạm tội có tính chất chuyên nghiệp" nên không thể áp dụng xử mức án dưới khung hình phạt theo quy định tại Điều 54 của Bộ luật Hình sự mà cần phải áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc, tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, cách ly khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo ý thức tôn trọng pháp luật, tuân theo pháp luật và các quy tắc của cuộc sống, ngăn ngừa bị cáo phạm tội mới. Đồng thời, nâng cao hiệu quả công tác phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm.

- Các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Đối với "Tội trộm cắp tài sản", bị cáo phạm tội 02 lần trở lên là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự; Đối với "Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản", bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[3] Sự vắng mặt của bị hại (ông T1); người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (ông B) và người làm chứng nhưng tất cả đã có lời khai làm rõ các tình tiết liên quan đến vụ án nên việc vắng mặt họ không ảnh hưởng đến việc xét xử. Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 292, 293 và Điều 296 của Bộ luật Tố tụng Hình sự, vẫn tiến hành xét xử.

[4] Hình phạt bổ sung: Bị cáo là người không có nghề nghiệp, không có thu nhập ổn định, không có tài sản riêng nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo theo khoản 5 Điều 173 và khoản 5 Điều 175 của Bộ luật Hình sự là phù hợp.

[5] Trách nhiệm dân sự:

- Đã giải quyết xong phần yêu cầu của bị hại là ông Võ Dũng N, ông Lê T1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là ông Trương P (T) nên Hội đồng

xét xử không xem xét, giải quyết gì thêm.

- Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo về việc đồng ý bồi thường cho bị hại là ông Trần Duy H số tiền 12.982.500 đồng.

[6] Biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng:

Không xem xét, giải quyết do một số vật chứng đã xử lý xong, vật chứng không thu giữ được và vật chứng đang được bảo quản tại Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện X để tiếp tục xác minh, làm rõ và xử lý sau.

[7] Các vấn đề khác:

Đối với ông Trương P, anh Trần Thanh H1 và chị Nguyễn Thị P1, do không biết việc T thực hiện hành vi phạm tội nên Cơ quan Cảnh sát Điều tra không có căn cứ để xử lý. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[8] Hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử: Điều tra viên Cơ quan Cảnh sát Điều tra công an huyện X; Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện X được phân công điều tra, kiểm sát giải quyết vụ án thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Căn cứ diễn biến tại phiên tòa, thông qua phần xét hỏi, tranh luận nhận thấy lời khai, chứng cứ phạm tội phù hợp với tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên. Do đó, có cơ sở để xác định các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Bị hại ông Trần Duy H không phải chịu án phí.

[10] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của họ trong hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm g khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 48; Điều 50 và Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017). Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 175; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 và Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 135; khoản 2 Điều 136; Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015; các Điều 584, 585, 586 và Điều 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các điểm a, f khoản 1 Điều 23; Điều 26 và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Minh T (tên gọi khác: D) phạm "Tội trộm cắp tài sản" và "Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản".

Xử phạt:

1.1. Về "Tội trộm cắp tài sản":

+ Hình phạt chính: Phạt bị cáo Nguyễn Minh T (D) 04 (bốn) năm tù.

+ Hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt bổ sung là hình phạt tiền cho bị cáo.

1.2. Về "Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản":

+ Hình phạt chính: Phạt bị cáo Nguyễn Minh T (D) 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù.

+ Hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt bổ sung là hình phạt tiền cho bị cáo.

Tổng hợp hình phạt của "Tội trộm cắp tài sản" và "Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản". Buộc bị cáo Nguyễn Minh T (D) phải chấp hành hình phạt chung là 06 (sáu) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam (ngày 31/10/2022).

2. Trách nhiệm dân sự:

Buộc bị cáo Nguyễn Minh T (D) phải có nghĩa vụ bồi thường số tiền 12.982.500 đồng (mười hai triệu chín trăm tam mươi nghìn năm trăm đồng) cho ông Trần Duy H.

Kể từ ngày người được thi hành án dân sự có đơn yêu cầu thi hành án. Nếu người phải thi hành án dân sự không thi hành số tiền bồi thường nói trên, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: Không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí:

- Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Nguyễn Minh T (D) phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).

- Án phí dân sự sơ thẩm:

+ Bị cáo Nguyễn Minh T (D) phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 649.125 đồng (sáu trăm bốn mươi chín nghìn một trăm hai mươi năm đồng).

+ Bị hại ông Trần Duy H không phải chịu án phí.

5. Quyền kháng cáo đối với bản án:

Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của họ trong thời hạn 15 ngày kể từ

ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án Dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7 a và Điều 9 của Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- Bị hại;
- VKSND huyện X;
- VKSND tỉnh BR-VT;
- CQ Điều tra Công an huyện X;
- CQ THA hình sự Công an huyện X;
- UBND xã H, huyện X;
- TAND tỉnh BR-VT;
- Sở Tư pháp tỉnh BR-VT;
- PV06, PC10–Công an tỉnh BR-VT;
- CCTHA Dân sự huyện X;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN–CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký và đóng dấu)

Lê Bá Khuyến